

Văn mẫu lớp 9

Cảm nghĩ về tác phẩm Một người Hà Nội của Nguyễn Khải

BÀI LÀM

Một người Hà Nội là truyện ngắn giàu tính triết luận, được sáng tác trong bối cảnh đổi mới văn học sau 1986. Triết luận vốn là một nét trội trong phong cách văn xuôi Nguyễn Khải thuộc giai đoạn sáng tác từ cuối những năm bảy mươi (của thế kỉ XX) trở đi, gắn liền với việc soi xét đối tượng dưới các góc độ văn hoá, lịch sử và triết học.

Trước đó, sáng tác của Nguyễn Khải đầy ắp cảm hứng chính luận, chuyên đề cập các vấn đề thời sự, chính trị của đất nước và thường lấy tiêu chí chính trị, đạo đức cách mạng để bàn luận, đánh giá sự kiện, con người. Rõ ràng, sự chuyển đổi từ cảm hứng chính luận sang cảm hứng triết luận đánh dấu một bước phát triển đáng ghi nhận trong tư duy nghệ thuật của nhà văn. Hứng thú quan sát, thể hiện những vấn đề thời sự, đặc biệt là vấn đề khẳng định bản lĩnh cá nhân của con người giữa một hoàn cảnh sống mà cái “tôi” chưa được nhìn nhận công bằng, thoả đáng, tất cả đều liên quan tới việc chuyển đổi cảm hứng nói trên. Các sáng tác lúc này vẫn không thiếu tính thời sự, nhưng giá trị của chúng đã vượt ra khỏi cái khung thời sự nhất thời để gây ám ảnh lâu dài. Việc nhà văn có ý thức tô đậm kinh nghiệm, thể nghiệm của cá nhân mình trong việc trình bày mọi vấn đề đã làm

cho những trang viết của ông thấm đượm tinh thần đối thoại dân chủ, thoát li dần kiểu áp đặt chân lí một chiều trước đây.

Với một sáng tác mang tính triết luận, việc xếp đặt các nhân vật được miêu tả trong đó vào các phạm trù tốt – xấu, chính diện – phản diện quen thuộc một thời đã trở nên bất cập. Sự đánh giá về nhân vật có thể rất đa chiều. Lời khen hay lời chê của tác giả (thể hiện qua nhân vật kể chuyện xưng “tôi”) lúc này cũng chỉ có giá trị tham khảo thuần túy, không hề mang tính chất “chân lí”, không phải là kết luận tối hậu. Trong Một người Hà Nội “, “tôi” nhìn nhận bà Hiền là “một hạt bụi vàng”, đó là quyền của “tôi”. Người khác có thể có cách nhìn nhận khác, tất nhiên, không thể không tham khảo cách nhìn có tính chất gợi ý mà “tôi” đưa ra. Nếu không hiểu nguyên tắc đánh giá này, lại lấy cách xây dựng nhân vật trong truyện của Nguyễn Khải ở giai đoạn sáng tác trước làm hệ quy

chiều, độc giả rất dễ có những phán quyết vô lí về tác giả trên các vấn đề quan điểm, lập trường chính trị, hoặc ngược lại, ra sức tán dương nhân vật bà Hiền, gán cho bà những phẩm chất tốt đẹp (theo mong muốn hay tưởng tượng, suy diễn của chính độc giả) mà bản thân nhân vật “tôi” không nói tới trong câu chuyện của mình.

Nếu căn cứ vào những gì đã được thể hiện trong truyện ngắn, độc giả có thể đặt lại tên tác phẩm Một người Hà Nội thành Nghĩ về một người Hà Nội. Dĩ nhiên, đây là đặt cho mình, nhằm mục đích lĩnh hội đúng tinh thần tác phẩm, cảm nhận đúng ý nghĩa của “thành phần” suy nghĩ trong kết cấu truyện ngắn này. Quả là chuyện kể không có gì thật đặc biệt, nhưng suy nghĩ, đánh giá của nhân vật “tôi” thì lại chứa đựng nhiều điều thú vị. Đặc trưng truyện ngắn Nguyễn Khải vốn là thể : tỉ trọng những lời phân tích, bình luận bao giờ cũng lớn, nhiều khi lấn át cả sự miêu tả, trần thuật khách quan về đối tượng.

Viết Một người Hà Nội, điều cơ bản mà nhà văn hướng đến chưa hẳn là ca ngợi một con người, cho dù người đó đáng ca ngợi bao nhiêu đi chăng nữa. Cảm hứng chính của ông là khám phá bản sắc văn hoá Hà Nội – cái quyết định vận mệnh và vị thế của Hà Nội trong lịch sử, cũng là cái làm nền tảng cho bước phát triển mới của nó trong tương lai. Không phải ngẫu nhiên mà khi ngắm hình ảnh bà Hiền “lau đánh cái bát bày thủy tiên”, ông đã

có một ghi chú tương như là băng quơ : “nếu là một thiếu nữ thì phải hơn”[1], rồi cảm thán : “thấy Tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái Tết Hà Nội”. Cũng hoàn toàn hợp lô gích việc nhà văn đã kết lại truyện ngắn như thế này : “Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng !”. Lô gích thì lô gích nhưng vẫn lạ. Ai đã từng quen với giọng văn tinh sắc, tinh táo, thậm chí là “lọc lõi” của Nguyễn Khải, hẳn phải ngỡ ngàng trước cái giọng “bốc” lên khá đột ngột mà nhà văn biểu lộ ở đây. Một chút giỡn đùa với chính văn mình hay niềm xúc động tận đáy tâm can cứ bật ra không nén được ? Trả lời quyết hẳn theo bề nào cũng khó, nhưng điều có thể khẳng định chắc chắn là : Nguyễn Khải thật sự yêu quý Hà Nội, có những suy nghĩ thâm trầm về “đất kinh kì” và tha thiết được thấy một Hà Nội hiện đại, đẹp, sang, xứng với bề dày văn hoá truyền thống của nó.

Hình tượng bà Hiền được xây dựng lên như để chứng minh có một tinh thần Hà Nội, một linh hồn Hà Nội thực sự đã và đang tồn tại, để lại dấu ấn đậm nét trong những người con của nó. Bà Hiền không phải là một “tám gương” kiểu mẫu hiệu theo nghĩa thông thường để các tổ chức xã hội nêu lên cho mọi người học tập, theo cách người ta vẫn thường làm

nhằm mục đích tuyên truyền, vận động. Bà chỉ là người dân bình thường, dù xuất thân là con nhà “tư sản”, dù đã có một thời “vang bóng” (mà thực ra, “tư sản” thì cũng có thể là người dân bình thường được chứ !). Tác giả (và người kể chuyện) hiểu vậy nên chọn cách giới thiệu, chuyện trò về bà thật dung dị. Bà là một người bà con xa, người di họ của “tôi”, thế thôi ! Mọi việc bà làm đều tự nhiên, như cuộc sống hàng ngày, chẳng gây chấn động gì tới xung quanh cả. Ấy vậy, ai dám bảo chất Hà Nội ở bà không đậm đặc ? Và lại, muốn khám phá bề sâu văn hoá của một vùng đất, tuyệt đối không được bỏ qua những điều tưởng là nhỏ nhặt. Nhiều khi chính chúng lại cung cấp cứ liệu thuyết minh về vấn đề có sức nặng hơn hẳn những chuyện to tát. Dõi theo mạch kể của nhân vật “tôi”, người đọc thấy quả không có gì đáng gọi là “sự kiện” việc bà Hiền lấy chồng, quản lí gia đình, sinh con, dạy con, cho con đi bộ đội, tiếp khách, bài trí nơi ở, duy trì nếp sinh hoạt riêng,...

Một câu bình phẩm của “tôi”, rằng, việc bà lấy ai không lấy, lại lấy một ông giáo cấp tiểu học hiền lành chăm chỉ làm chồng đã “khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc”, phần nhiều chỉ là một cách nói ngoa ngôn khá đặc thù của văn chương. Nếu quả người ta có kinh ngạc, thì đó là sự kinh ngạc trước một chuyện không ngờ lại xảy ra bình thường (thậm chí là tầm thường) quá như thế. Tuy vậy, nếu bình tâm suy xét, ta lại thấy trong tất cả những cái

bình thường kia lại chứa đựng một triết lí sống đáng vị nể, vừa thể hiện bản lĩnh cá nhân một con người, vừa bộc lộ kiểu ứng xử đặc trưng của đất kinh kì. Bà Hiền biết rõ mình là ai (câu tuyên bố “thẳng thừng” của bà đối với nhân vật “tôi” đã chứng thực điều đó :

“Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ”), và cũng tương tự thế, bà hiểu sâu xa mình là người Hà Nội. Sau năm 1954, gia đình bà chẳng di cư vào Nam vì “không thể rời xa Hà Nội”. Đây không đơn giản chỉ là một biểu hiện của tình yêu đối với nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng mình, mà còn là một biểu hiện của niềm tin vào thế tồn tại bền vững của mảnh đất đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, có văn hoá riêng đã thấm vào máu thịt cư dân nơi này.

Bà Hiền có thể không nghĩ một cách rành rọt như vậy, nhưng tác giả và nhân vật “tôi” – một sự hoá thân của ông – thì ý thức về điều này quá sâu sắc. Nhân vật “tôi” cũng khó lòng quên lời bà Hiền răn lũ con của anh : “Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng, nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng”. Hoá ra vậy, làm người Hà Nội vừa là một vinh dự, vừa là một trách nhiệm. Bà Hiền hẳn là luôn đau đầu về vấn đề này, chẳng thế mà dù đã ngoài bảy mươi, bà vẫn đề lộ tâm sự đó của mình khi hỏi người cháu (“tôi”) vừa mới từ thành phố Hồ Chí Minh ra thăm : “Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?” Ngõ đó chỉ là một câu hỏi xã giao thông thường

mà thực chất lại gửi gắm bao nỗi niềm, bao phấp phỏng và hi vọng về tương lai của Hà Nội.

Những điều vừa nói trên chứng minh sự gắn bó làm một, rất máu thịt, giữa bà Hiền và Hà Nội. Nhưng cốt lõi ứng xử của người Hà Nội được thể hiện qua bà Hiền là cái gì ? Khi kể về bà, nhân vật “tôi” rất hay nói đến chữ tính : “tính thế là đúng”, “Mọi sự mọi việc đều được các bà tính trước cả. Và luôn tính đúng...”, “đã tính là làm”, “Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế”, “cô muốn mở rộng sự tính toán...”. Dĩ nhiên, đã “tính đúng” thì người đó là người khôn (“cô khôn hơn các bà bạn của cô”), người “có đầu óc rất thực tế”, biết thích ứng. Với người “khôn”, mọi điều khó mấy xem ra cũng có thể thu xếp được một cách khá nhẹ nhàng : là “tư sản” mà khi ở với chính quyền mới, gia đình bà Hiền không bị hề hấn gì, bà lại có khả năng nuôi cả gia đình đủ ăn mà không phải dính dáng gì tới hai chữ “bóc lột”... Bà Hiền có thể “cười rất tươi” – một kiểu cười quá đỗi tự tin – khi ông cháu thóc mách : “Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ ?” Nói ra toàn những chuyện như thế về bà Hiền, phải chăng tác giả muốn kết luận rằng cái “bản sắc” của người Hà Nội là tính và khôn ? Sự thực hoàn toàn không phải thế. Đằng sau mỗi câu chuyện kể về bà Hiền, tác giả luôn luôn cho ta thấy sự tồn tại của một

bản lĩnh sống vững vàng, một khả năng tự ý thức rất cao, một lòng tự trọng không thể nghi ngờ.

Tự trọng ở đây gắn liền với việc không để mình rơi vào tình trạng nhục nhã, sống giữ được cốt cách và đặc biệt là không quên trách nhiệm với cộng đồng (một tinh thần trách nhiệm không cần tuyên bố ồn ào, bốc đồng, hời hợt). Những lời thổ lộ của bà Hiền xung quanh việc bằng lòng cho hai đứa con đi bộ đội thể hiện rõ điều này : “Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”, “Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó”, “Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả, hoặc chết cả, vui lè có hay hóm gì”... Không phải không có những ngộ nhận về tính cách người Hà Nội. Trong truyện, tác giả đã khéo tạo ra một tình huống để làm rõ vấn đề này. Trong khi nhân vật “tôi”, giữa một bữa tiệc, đã “nói hơi nhiều” những ý chê trách Hà Nội trong sự so sánh nó với những vùng miền khác, thì nhân vật Dũng, con bà Hiền, mới từ chiến trường miền Nam trở về, đã kể cho mọi người nghe về phản ứng tâm lí của một người mẹ Hà Nội có con hi sinh : “Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu, người bà run bần bật nhưng không khóc,

và bà nói run rẩy : “Nín đi con, nín đi Dũng ! Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi”. Đúng là một sự đối trọng. Câu chuyện của Dũng tự nó nói lên bao điều !

Ta đã phân tích khả năng tính của bà Hiền, một người Hà Nội. Tính không phải bao giờ cũng gắn với thói thực dụng. Nhiều khi, nó là đòi hỏi bắt buộc của một cách tồn tại giữa thời cuộc có nhiều thay đổi, xáo trộn khó lường. Bà Hiền quá nhạy cảm về vấn đề này.

Bà có chính kiến, chủ kiến riêng về nhiều chuyện “vĩ mô” của nhà nước, chế độ. Khi đứa cháu nói : “Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?”, bà đã trả lời : “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?”. Theo bà “Chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công sá cho kẻ ăn người ở...”. Bà cũng nhận ra có cái gì đó không phù hợp trong cách nghĩ “không thích cá nhân làm giàu” : “Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dù họ có đủ tài để không phải sống ăn bám”. Đặc biệt, bà có một quan điểm hết sức khác thường : “Xã hội lúc nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị...”. Chưa hết, bà còn phát biểu về cái huyền vi của sự sống mà càng ngày ta càng phải thừa nhận : “Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được”.

Như vậy, trong cái tính của bà Hiền có chứa đựng một “tầm nhìn xa” đáng để cho nhân vật “tôi” phải thốt lên khâm phục : “Bà vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc...”. Chính tầm nhìn xa có ở bà Hiền, rộng ra là có ở nền văn hoá của đất kinh kì đã tạo nên cái mà trên kia ta đã gọi là thế tồn tại uyển chuyển và ngoan cường của Hà Nội, vượt lên trên mọi ba động của đời sống chính trị.

Chi tiết bà Hiền kể cho nhân vật “tôi” nghe về sự hồi sinh sau cơn bão của cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn mang ngụ ý triết lí sâu sắc. Các nhân vật trong truyện dường như chỉ “luận” về sự kiện này xoay quanh sự tiếp nối của nhiều thế hệ người Hà Nội. Kì thực, ý nghĩa của nó trong cấu trúc chỉnh thể của tác phẩm còn lớn hơn thế. Cũng cần lưu ý : nhiều quan điểm được nói ra từ miệng bà Hiền cũng là cái mà nhân vật “tôi” và tác giả tỏ ra tâm đắc. Lời trần thuật khách quan về đối tượng đã quyện chặt với lời phân tích mang theo cách đánh giá riêng của người viết. Đây quả là một nét đặc sắc của văn Nguyễn Khải – một nhà văn vẫn được nhiều người viết khác cùng thế hệ bái phục về “năng khiếu” có thể gài lồng được vào sáng tác của mình những tư tưởng riêng đầy táo bạo, không dễ phát ngôn, về đời sống.

Nói về “dân” Hà Nội, người ở nhiều vùng miền khác vẫn thường thừa nhận thanh lịch là đặc điểm nổi bật. Vậy, ở một người khôn ngoan, giỏi tính toán như bà Hiền, nét thanh

lịch ấy có tồn tại không và nếu có thì nó được biểu hiện như thế nào ? Thực ra, không hề có sự đối chọi nào giữa các phẩm chất ấy trong con người bà Hiền cả. Đừng làm về kiểu xung hô bồ bã của bà đối với con cháu (vốn nó biểu hiện rõ tư cách của con người quyết đoán, ý thức mình là “nội tướng” trong gia đình), mà hãy nhìn vào thực chất của vấn đề, biểu hiện qua thái độ chu tất trong nét ăn, nét mặc, trong cử chỉ lau đánh cái bát đựng hoa thủy tiên, trong việc duy trì một cách “bướng bỉnh” cái nền nếp sinh hoạt xa lông một thời vẫn thường bị định kiến là “tư sản”. Không, trong ngày thường, một người như bà Hiền đã hoà nhập rất tốt vào cuộc sống chung, cũng “áo bông ngắn, quần thâm, đi dép hoặc đi guốc, vuông khăn len tơ tộp buộc quanh cổ hay bịt đầu”.

Nhưng bà, cũng như các bạn của mình, không vì vậy mà không được quyền sống cho mình. Họ, lúc cần, đã biết rũ bỏ “đồng phục” để hoá thân thành những con người khác, đáng để cho những kẻ yêu cái đẹp ngắm nhìn : “bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển”. Tất cả những điều đó cũng là biểu hiện cụ thể của bản lĩnh sống – một vấn đề hết sức nghiêm túc cần được nhìn nhận thấu đáo trong hoàn cảnh sống của đất nước, của thời đại bây giờ.

Nhìn chung, bà Hiền đúng là một người Hà Nội, dù bà không thuộc “típ” điển hình quen thuộc mà văn học cách mạng một thời ưa xây dựng trong cảm hứng ngợi ca. Dĩ nhiên, bà cũng đã dành được sự ngợi ca, quý trọng rất mực của nhân vật “tôi”, của tác giả, nhưng đây là sự ngợi ca, quý trọng xuất phát từ một tiêu chí đánh giá khác với trước. Cái lõi của tiêu chí đó chính là sự khẳng định bản lĩnh cá nhân của con người trong đời sống – điều sẽ khiến cho con người trong khi biết thích ứng với thời đại thì vẫn đóng góp được nhiều cho việc cải biến, cải tạo môi trường tồn tại của mình theo hướng tích cực.

Viết về một mẫu người như bà Hiền, văn Nguyễn Khải trở nên khoái hoạt hơn bao giờ hết. Hoàn toàn có thể nói bà Hiền chính là nhân vật lí tưởng (không nhất thiết phải là nhân vật anh hùng, nhân vật phi thường) của sáng tác Nguyễn Khải giai đoạn từ khoảng 1978 trở đi (theo sự tự phân chia của chính nhà văn). Qua bà cũng như qua các nhân vật khác thuộc loại này, nhà văn đã thực sự có đóng góp cho việc dân chủ hoá hoạt động sáng tác văn học nước nhà. Các thước đo về con người, cuộc sống trở nên đa dạng hơn, và chính điều đó đã kích thích tinh thần đối thoại ở độc giả. Thì đó, nhân vật “tôi” trong tác phẩm đâu có được xây dựng như một con người nắm giữ chân lí, có quyền đưa ra lời phán quyết sau cùng về mọi sự. Anh ta đã từng hiện lên như một kẻ khôn ranh, ứng xử thiếu đàng hoàng với người cô “tư sản” (không ghi tên bà Hiền trong lí lịch cán bộ), một

kẻ tự thị vô lối khi đưa ra những lời nhận xét hấp tấp về Hà Nội trong một bữa tiệc. Anh ta cũng có thể sai, cũng phải chịu lời phản biện từ chính thực tế cuộc sống. Biết nghĩ về sự “nín lặng” (không đồng nghĩa với sự chấp thuận) của người khác thì cũng đồng nghĩa với việc tự mình biết sẵn sàng nín lặng khi những “ý thức” khác cất lời. Sự hấp dẫn của văn của Nguyễn Khải ở giai đoạn sáng tác thứ hai chính được đưa tới từ đặc điểm giàu tính đối thoại dân chủ này.

Dù không có ý áp đặt cho ai về cách đánh giá một con người, cụ thể ở đây là bà Hiền, Nguyễn Khải, thông qua nhân vật “tôi”, vẫn có khả năng tạo được sự tán đồng của người đọc khi ông đưa ra nhận xét : bà Hiền chính là một người Hà Nội, tuy chỉ là hạt bụi nhưng đó lại là hạt bụi vàng của đất kinh kì.